

QUY TẮC BẢO HIỂM VẬT CHẤT Ô TÔ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 9998/QĐ-BHBV ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt)

LƯU Ý QUAN TRỌNG

- 1. Khách hàng đọc kỹ điều kiện, điều khoản trong Quy tắc trước khi tham gia bảo hiểm;**
- 2. Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, khách hàng vui lòng thông báo ngay cho Bảo Việt để được hỗ trợ và hướng dẫn khắc phục hậu quả tai nạn, giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho quý khách;**
- 3. Quy tắc bảo hiểm này được ban hành trên cơ sở phê chuẩn của Bộ Tài Chính tại công văn số 14544/BTC-QLBH ngày 22/11/2018.**

Mục Lục

PHẦN I. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ	2
PHẦN II. QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Hợp đồng bảo hiểm.....	3
Điều 2. Thời hạn bảo hiểm	4
Điều 3. Chấm dứt hợp đồng bảo hiểm	4
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bảo Việt	4
Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm, chủ xe	5
Điều 6. Giám định tổn thất	7
Điều 7. Hồ sơ bồi thường.....	7
Điều 8. Bảo hiểm trùng.....	8
Điều 9. Thời hạn yêu cầu bồi thường, khiếu nại và thời hiệu khởi kiện	9
PHẦN III. QUY ĐỊNH CỤ THỂ	9
Điều 10. Phạm vi bảo hiểm	9
Điều 11. Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm.....	9
Điều 12. Số tiền bảo hiểm và giá trị bảo hiểm (giá thị trường)	11
Điều 13. Giải quyết quyền lợi bảo hiểm.....	11
Điều 14. Mức khấu trừ	12
Điều 15. Giảm trừ bồi thường	12
PHẦN IV. ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG	13
1. Bảo hiểm không khấu hao thay mới (Phụ lục số 01-BVVC):	13
2. Bảo hiểm sửa chữa xe tại garage chính hãng (Phụ lục số 02-BVVC):.....	14
3. Bảo hiểm xe bị ngập nước (Phụ lục số 03-BVVC):.....	14
4. Bảo hiểm mất cắp bộ phận (Phụ lục số 04-BVVC):.....	14
5. Bảo hiểm lựa chọn mức khấu trừ (Phụ lục số 05-BVVC):	15
6. Thanh toán chi phí thuê xe (Phụ lục số 06-BVVC):.....	15
7. Bảo hiểm bồi thường theo giới hạn trách nhiệm (Phụ lục số 07-BVVC):.....	15
8. Bảo hiểm thiệt hại xảy ra ngoài lãnh thổ Việt Nam (PLNLT)	15
9. Các điều khoản bổ sung khác:	16

PHẦN I. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong quy tắc này, các thuật ngữ được hiểu như sau:

1. “Bảo Việt”: là Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt hoặc Công ty Bảo Việt thành viên của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật có liên quan để kinh doanh bảo hiểm.
2. “Bên mua bảo hiểm”: là tổ chức, cá nhân giao kết hợp đồng bảo hiểm với Bảo Việt và đóng phí bảo hiểm.
3. “Người được bảo hiểm”: là chủ xe có xe ô tô được bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm vật chất xe ô tô.
4. “Chủ xe”: là tổ chức, cá nhân sở hữu xe ô tô hoặc được chủ sở hữu xe ô tô giao chiếm hữu, sử dụng hợp pháp xe ô tô; hoặc cá nhân, tổ chức là chủ sở hữu thực tế chưa làm thủ tục đăng ký theo quy định nhưng có Hợp đồng mua bán.
5. “Xe ô tô”: là loại phương tiện giao thông đường bộ chạy bằng động cơ của chính nó và có từ bốn bánh trở lên, bao gồm các loại xe đã được quy định theo TCVN phương tiện giao thông đường bộ - kiểu - định nghĩa và thuật ngữ hiện hành, cụ thể:
 - a. Xe chở hàng:
 - Ô tô tải (hay còn gọi là xe tải) là xe ô tô để chở hàng hoặc thiết bị chuyên dùng có khối lượng chuyên chở cho phép xác định theo Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ từ 1.500 kg trở lên. Hoặc xe ô tô chở hàng với khối lượng chuyên chở cho phép dưới 1.500 kg.
 - “Rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc”: là chi phương tiện có kết cấu để sao cho khối lượng toàn bộ của rơ moóc, sơ mi rơ moóc không đặt lên ô tô kéo.
 - “Ô tô đầu kéo”: là chỉ những loại xe cơ giới chuyên chở hàng hóa mà thùng xe là rơ moóc, sơ mi rơ moóc được thiết kế nối với ô tô đầu kéo và kéo theo, truyền một phần trọng lượng đáng kể lên ô tô đầu kéo và ô tô đầu kéo không có bộ phận chở hàng hóa hoặc chở người (ô tô đầu kéo là ô tô được thiết kế để kéo rơ moóc, sơ mi rơ moóc).
 - b. Xe chở người:
 - “Xe ô tô con”: (hay còn gọi là xe con) là xe ô tô được xác định theo Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, để chở người không quá 09 chỗ ngồi kể cả lái xe.
 - “Ô tô khách”: (hay còn gọi là xe khách) là xe ô tô được xác định theo Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ để chở người với số lượng lớn hơn 09 người.
 - “Xe buýt”: là xe ô tô khách có số chỗ ngồi ít hơn số chỗ đứng hoặc là xe ô tô khách được quy định sử dụng vận tải hành khách công cộng.
 - c. Xe vừa chở người vừa chở hàng:
 - “Xe bán tải”: (xe pickup) có kết cấu thùng chở hàng đi liền với thân xe, có khối lượng chuyên chở cho phép xác định theo Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ nhỏ hơn 1.500 kg và có từ 5 chỗ ngồi trở xuống.
 - Xe vừa chở người vừa chở hàng còn lại: Xe tải van - ô tô thùng kín có khoang chở hàng liền khối với khoang người ngồi có bố trí cửa xếp dỡ hàng. Hoặc các loại xe vừa chở người vừa chở hàng khác theo quy định của pháp luật.

d. Các loại xe khác:

- “Ô tô chuyên dùng” là ô tô có kết cấu và trang bị để thực hiện một chức năng công dụng đặc biệt, bao gồm: ô tô quét đường, ô tô hút chất thải, ô tô trộn vữa, ô tô trộn bê tông, ô tô bơm bê tông, ô tô cần cẩu, ô tô thang, ô tô khoan, ô tô cứu hộ giao thông; ô tô chuyên dùng khác như ô tô truyền hình lưu động, ô tô đo sóng truyền hình lưu động, ô tô kiểm tra và bảo dưỡng cầu, ô tô kiểm tra cáp điện ngầm, ô tô chụp X-Quang, ô tô phẫu thuật lưu động, ô tô cứu thương, ô tô vận chuyển tiền, xe tang lễ...

- “Xe máy chuyên dùng” gồm xe máy thi công, xe máy nông nghiệp, lâm nghiệp và các loại xe đặc chủng khác sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh có tham gia giao thông đường bộ.

- “Xe tập lái”: là ô tô kết cấu và trang bị thực hiện dạy, đào tạo lái xe. Khi thực hiện dạy, đào tạo lái xe cần có giáo viên dạy lái và có hệ thống phanh phụ bố trí bên ghế ngồi của giáo viên dạy thực hành lái xe...

6. “Cháy” là phản ứng hoá học giữa chất cháy và ô xy trong không khí có sự toả nhiệt và phát ánh sáng.

7. “Giá thị trường” là giá mua bán trung bình của chiếc xe tương tự cùng năm sản xuất, cùng hãng sản xuất (make), cùng mẫu xe (model), cùng km lăn bánh, cùng mục đích sử dụng được chào bán trên thị trường ngay tại thời điểm xác định giá thị trường của xe.

8. “Thời gian sử dụng xe” là khoảng thời gian tính từ tháng đăng ký lần đầu tại Việt Nam đến tháng giao kết hợp đồng bảo hiểm. Đối với xe nhập khẩu đã qua sử dụng ở nước ngoài, thì thời gian sử dụng tính từ tháng một của năm sản xuất đến tháng giao kết hợp đồng bảo hiểm.

9. “Phí bảo hiểm”: là khoản tiền mà bên mua bảo hiểm phải đóng cho Bảo Việt theo thời hạn và phương thức do các bên thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.

PHẦN II. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Hợp đồng bảo hiểm

Hợp đồng bảo hiểm xe ô tô là sự thoả thuận giữa bên mua bảo hiểm và Bảo Việt, theo đó bên mua bảo hiểm phải đóng phí bảo hiểm, Bảo Việt phải bồi thường cho người được bảo hiểm/chủ xe khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.

Hợp đồng bảo hiểm phải được lập thành văn bản, bao gồm: Quy tắc; Điều khoản; Giấy yêu cầu bảo hiểm của chủ xe hoặc người đại diện hợp pháp của chủ xe; Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm là bằng chứng của việc giao kết hợp đồng bảo hiểm; Sửa đổi bổ sung và các thỏa thuận khác (nếu có)...cụ thể:

- Quy tắc bảo hiểm vật chất ô tô: là điều khoản quy định quyền lợi, trách nhiệm của Chủ xe, Bảo Việt và được Bảo Việt cấp khi Chủ xe yêu cầu. Quy tắc bảo hiểm này được đăng tải trên website của Bảo Việt.

- Giấy yêu cầu bảo hiểm (theo mẫu in sẵn): để Chủ xe yêu cầu bảo hiểm và thiết lập Hợp đồng bảo hiểm. Đây là một bộ phận cấu thành và không tách rời của Hợp đồng bảo hiểm. Khi yêu cầu bảo hiểm, chủ xe phải kê khai đầy đủ và chịu trách nhiệm về tính trung thực những nội dung trong giấy yêu cầu bảo hiểm. Trường hợp chủ xe hoặc người thay mặt chủ xe yêu cầu bảo hiểm không ký vào giấy yêu cầu bảo hiểm, nhưng đã nộp phí bảo hiểm thì có nghĩa đã đồng ý với thông tin ghi trên hợp đồng/Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm mà Bảo Việt cấp cho Chủ xe.

- Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm: do Bảo Việt cấp cho Chủ xe, là bằng chứng ký kết Hợp đồng bảo hiểm và được điều chỉnh theo Quy tắc này.

- Sửa đổi bổ sung Hợp đồng bảo hiểm: là một bộ phận của Hợp đồng bảo hiểm, được lập thành văn bản để sửa đổi, bổ sung các điều khoản trong Hợp đồng bảo hiểm.

- Các thỏa thuận khác nếu có được lập thành văn bản giữa Chủ xe và Bảo Việt.

Điều 2. Thời hạn bảo hiểm

1. Thời hạn bảo hiểm bắt đầu và kết thúc được ghi trên Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm.

2. Trường hợp chuyển quyền sở hữu xe được bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm mặc nhiên có hiệu lực đối với chủ xe mới trừ trường hợp chủ xe cũ yêu cầu chấm dứt hợp đồng bảo hiểm.

Điều 3. Chấm dứt hợp đồng bảo hiểm

1. Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt trong trường hợp chủ xe không đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm đã thỏa thuận tại hợp đồng giao kết ban đầu và Bảo Việt không có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí theo quy định pháp luật.

Chủ xe phải có nghĩa vụ đóng đầy đủ phí bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm. Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm chấm dứt hiệu lực, Bảo Việt phải hoàn lại cho chủ xe phần phí bảo hiểm đã đóng thừa (nếu có) hoặc yêu cầu chủ xe đóng đủ phí bảo hiểm đến thời điểm chấm dứt hợp đồng bảo hiểm. Bảo Việt không phải hoàn phí bảo hiểm trong trường hợp đã xảy ra sự kiện bảo hiểm.

2. Đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bảo hiểm:

Trong thời hạn bảo hiểm, một trong hai bên có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bảo hiểm theo quy định pháp luật bằng cách thông báo bằng văn bản cho bên kia.

Trường hợp chủ xe chấm dứt hợp đồng bảo hiểm trước hạn phải thông báo bằng văn bản cho Bảo Việt. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của chủ xe, Bảo Việt phải hoàn lại cho chủ xe 70% phí bảo hiểm tương ứng với thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm. Bảo Việt không phải hoàn phí bảo hiểm trong trường hợp đã xảy ra sự kiện bảo hiểm.

Trường hợp Bảo Việt đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bảo hiểm, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bảo Việt thông báo bằng văn bản cho chủ xe, Bảo Việt phải hoàn lại phí bảo hiểm cho chủ xe tương ứng với thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bảo Việt

1. **Bảo Việt có quyền:**

1.1. Thu phí bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.

1.2. Kiểm tra, đánh giá tình trạng xe, yêu cầu bên mua bảo hiểm cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin liên quan đến việc giao kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm.

1.3. Từ chối bồi thường cho người được bảo hiểm trong trường hợp không thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm hoặc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.

1.4. Yêu cầu bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm, chủ xe áp dụng các biện pháp đề phòng, hạn chế tổn thất theo quy định của pháp luật.

1.5. Yêu cầu người thứ ba bồi hoàn số tiền bảo hiểm mà Bảo Việt đã bồi thường cho người được bảo hiểm do người thứ ba gây ra đối với chiếc xe ô tô được bảo hiểm.

1.6. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Bảo Việt có nghĩa vụ:

2.1. Giải thích cho bên mua bảo hiểm, chủ xe về điều kiện, điều khoản bảo hiểm; quyền và nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm, chủ xe khi tham gia bảo hiểm.

2.2. Cấp cho bên mua bảo hiểm giấy chứng nhận bảo hiểm, đơn bảo hiểm hoặc hợp đồng bảo hiểm sau khi giao kết hợp đồng bảo hiểm.

2.3. Trả tiền bồi thường bảo hiểm trong vòng 15 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ yêu cầu bồi thường đầy đủ, hợp lệ; không quá 30 ngày trong trường hợp Bảo Việt phải tiến hành xác minh hồ sơ.

Trong trường hợp Bảo Việt không đủ thẩm quyền để xác minh các yếu tố trong hồ sơ thì hồ sơ bồi thường được coi là đầy đủ và hợp lệ sau khi có kết luận chính thức của cơ quan chức năng có thẩm quyền. Sau 90 ngày kể từ ngày Bảo Việt có văn bản đề nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền tiến hành xác minh mà chưa có kết quả xác minh thì Bảo Việt phải chủ động tiến hành xác minh, xem xét giải quyết bồi thường trên cơ sở tài liệu, chứng cứ thu thập được.

2.4. Trường hợp từ chối bồi thường, Bảo Việt phải giải thích bằng văn bản lý do từ chối bồi thường trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bảo Việt nhận được đầy đủ hồ sơ bồi thường hợp lệ.

2.5. Đối với những vụ tổn thất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, khi có yêu cầu của chủ xe/người điều khiển xe, Bảo Việt sẽ phối hợp giải quyết ngay và khi đã xác định trách nhiệm thuộc phạm vi bảo hiểm có thể tạm ứng ngay một phần những chi phí cần thiết nhằm khắc phục hậu quả tổn thất.

2.6. Bảo Việt có trách nhiệm hướng dẫn chủ xe, bên mua bảo hiểm thu thập tài liệu để lập hồ sơ bồi thường theo quy định tại Điều 7 quy tắc này.

2.7. Bảo Việt có trách nhiệm đánh giá lại rủi ro và định phí bảo hiểm trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận được thông báo thay đổi các yếu tố liên quan đến rủi ro của xe được bảo hiểm và có trách nhiệm hoàn phí hoặc thu thêm phí theo tỷ lệ tương ứng với thời hạn còn lại của hợp đồng bảo hiểm.

2.8. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm, chủ xe

1. Bên mua bảo hiểm, chủ xe có quyền:

1.1. Yêu cầu Bảo Việt giải thích các điều kiện, điều khoản bảo hiểm; cấp giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc đơn bảo hiểm.

1.2. Yêu cầu Bảo Việt bồi thường theo thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.

1.3. Chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm theo thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm hoặc theo quy định của pháp luật.

1.4. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Bên mua bảo hiểm, chủ xe có nghĩa vụ:

- 2.1. Đóng phí bảo hiểm đầy đủ, theo thời hạn và phương thức đã thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.
- 2.2. Khi yêu cầu bảo hiểm phải kê khai đầy đủ, trung thực những nội dung trong Giấy yêu cầu bảo hiểm theo mẫu của Bảo Việt.
- 2.3. Tạo điều kiện thuận lợi để Bảo Việt xem xét tình trạng xe trước khi cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm.
- 2.4. Trường hợp thay đổi mức độ rủi ro được bảo hiểm dẫn đến những yếu tố làm thay đổi cơ sở tính phí bảo hiểm, bên mua bảo hiểm, chủ xe phải thông báo cho Bảo Việt trong vòng 15 ngày kể từ ngày có sự thay đổi đó (ví dụ: thay đổi mục đích sử dụng, kết cấu xe, phạm vi hoạt động...):
 - 2.4.1. Khi có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm, dẫn đến giảm các rủi ro được bảo hiểm thì bên mua bảo hiểm yêu cầu Bảo Việt giảm phí bảo hiểm cho thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm. Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu giảm phí của bên mua bảo hiểm, Bảo Việt phải có công văn, văn bản trả lời bên mua bảo hiểm về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận việc giảm phí bảo hiểm.

Trong trường hợp Bảo Việt không chấp nhận giảm phí bảo hiểm thì bên mua bảo hiểm có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Quy tắc này.
 - 2.4.2. Khi có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm, dẫn đến tăng các rủi ro được bảo hiểm thì Bảo Việt sẽ tính lại phí bảo hiểm cho thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm. Trong trường hợp bên mua bảo hiểm không chấp nhận tăng phí bảo hiểm thì Bảo Việt có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Quy tắc này.
- 2.5. Tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.
- 2.6. Khi xảy ra tổn thất, bên mua bảo hiểm, chủ xe phải có trách nhiệm:
 - 2.6.1. Thông báo ngay cho Bảo Việt để phối hợp giải quyết, tích cực cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người và tài sản, bảo vệ hiện trường tổn thất; đồng thời thông báo cho cơ quan Công an hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất (trừ trường hợp bất khả kháng);
 - 2.6.2. Không được di chuyển, tháo gỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến chấp thuận của Bảo Việt; trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;
 - 2.6.3. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày xảy ra tổn thất (trừ trường hợp bất khả kháng), bên mua bảo hiểm, chủ xe phải thông báo tổn thất bằng văn bản cho Bảo Việt hoặc các hình thức khác theo quy định của Bảo Việt.
- 2.7. Bên mua bảo hiểm, chủ xe phải trung thực trong việc thu thập, cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường và tạo điều kiện thuận lợi cho Bảo Việt trong quá trình xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ đó.
- 2.8. Trường hợp tổn thất xảy ra có liên quan đến trách nhiệm của Người thứ ba, bên mua bảo hiểm, chủ xe phải thực hiện đúng theo các hướng dẫn của Bảo Việt để bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi bồi thường cho Bảo Việt kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ, tài liệu cần thiết và hợp tác chặt chẽ với Bảo Việt để đòi lại người thứ ba trong phạm vi số tiền đã hoặc sẽ được Bảo Việt bồi thường.
- 2.9. Đối với các thiệt hại dẫn đến phải thay thế và được doanh nghiệp chấp thuận bồi thường, bên mua bảo hiểm, chủ xe sau khi thực hiện xong công việc thay thế phải có trách nhiệm bàn giao tài sản đã được thay thế cho Bảo Việt.

2.10. Khi xe ô tô bị mất trộm, mất cướp toàn bộ, bên mua bảo hiểm, chủ xe phải thông báo ngay (trong vòng 24 giờ) cho cơ quan công an và Bảo Việt được biết để xử lý và thực hiện các công việc theo hướng dẫn của cơ quan công an và Bảo Việt.

2.11. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Giám định tổn thất

1. Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, Bảo Việt hoặc người được Bảo Việt ủy quyền thực hiện việc giám định tổn thất về tài sản với sự có mặt của chủ xe/người điều khiển xe, các bên có liên quan hoặc người đại diện hợp pháp của các bên có liên quan nhằm xác định nguyên nhân và mức độ tổn thất. Kết quả giám định phải lập thành văn bản có chữ ký của các bên liên quan. Bảo Việt chịu trách nhiệm về chi phí giám định tổn thất.

2. Trường hợp các bên không thống nhất về nguyên nhân và mức độ thiệt hại, có thể thỏa thuận chọn cơ quan giám định độc lập trừ trường hợp có thỏa thuận khác trong hợp đồng bảo hiểm. Trong trường hợp các bên không thỏa thuận được việc trưng cầu giám định độc lập thì một trong các bên được yêu cầu Tòa án nơi xảy ra tổn thất hoặc nơi cư trú của người được bảo hiểm chỉ định giám định độc lập. Kết luận của giám định độc lập có giá trị bắt buộc đối với các bên.

3. Trường hợp kết luận của giám định độc lập khác với kết luận giám định của Bảo Việt, Bảo Việt phải trả chi phí giám định độc lập. Trường hợp kết luận của giám định độc lập trùng với kết luận giám định của Bảo Việt, chủ xe/người điều khiển xe phải trả chi phí giám định độc lập.

4. Trong trường hợp đặc biệt, Bảo Việt không thể thực hiện được việc giám định thì Bảo Việt có trách nhiệm hướng dẫn chủ xe/người điều khiển xe thu thập đầy đủ thông tin chi tiết về nguyên nhân, diễn biến, mức độ thiệt hại cùng các chứng từ, ảnh chụp thiệt hại và tài liệu liên quan để làm căn cứ xác định bồi thường.

Điều 7. Hồ sơ bồi thường

Đối với từng vụ việc cụ thể thì Hồ sơ bồi thường bao gồm một hoặc nhiều loại tài liệu sau:

1. Tài liệu do bên mua bảo hiểm, chủ xe cung cấp:

1.1. Thông báo tổn thất và yêu cầu bồi thường (theo mẫu của Bảo Việt).

1.2. Tài liệu liên quan đến xe, người điều khiển xe (bản sao có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản photocopy có xác nhận của nhân viên Bảo Việt sau khi đã đối chiếu với bản chính) như sau:

a. Giấy chứng nhận bảo hiểm và/hoặc Hợp đồng bảo hiểm và các thỏa thuận khác bằng văn bản (nếu có);

b. Giấy đăng ký xe (có thể sử dụng bản sao còn hiệu lực của ngân hàng/các tổ chức tín dụng), Giấy phép lái xe hợp lệ của người điều khiển xe bị tổn thất;

c. Các giấy tờ liên quan đến mua bán, chuyển nhượng, cho, tặng, uỷ quyền sử dụng xe (nếu có);

d. Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ hợp lệ (trừ trường hợp xe lưu hành tạm thời có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền hoặc hoạt động trong thời gian thực hiện thủ tục đăng ký, kiểm định lần đầu tiên tại Việt Nam).

1.3. Tài liệu chứng minh thiệt hại về tài sản, bao gồm:

- a. Hóa đơn, chứng từ hợp lệ về việc sửa chữa, thay mới tài sản bị thiệt hại;
 - b. Các giấy tờ chứng minh chi phí cần thiết và hợp lý mà chủ xe đã chi ra để giảm thiểu tổn thất hay để thực hiện theo chỉ dẫn của Bảo Việt.
- 1.4. Biên bản thỏa thuận/hòa giải (trong trường hợp hòa giải).
 - 1.5. Bản án hoặc Quyết định có hiệu lực của Tòa án (nếu có).
 - 1.6. Các tài liệu cần thiết để chuyển quyền cho Bảo Việt đòi bồi thường từ bên gây thiệt hại cho xe được bảo hiểm mà chủ xe đã được Bảo Việt giải quyết bồi thường thiệt hại này (trong trường hợp đòi người thứ ba).
2. Tài liệu do Bảo Việt phối hợp với chủ xe để thu thập:
 - 2.1. Bản sao có xác nhận của cơ quan công an trong trường hợp tai nạn có sự tham gia giải quyết của cơ quan công an, bao gồm:
 - a. Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn (nếu có);
 - b. Sơ đồ hiện trường tai nạn, bản ảnh (nếu có);
 - c. Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn (nếu có);
 - d. Thông báo sơ bộ kết quả điều tra ban đầu vụ tai nạn (nếu có);
 - e. Biên bản giải quyết tai nạn (nếu có); Bản kết luận điều tra tai nạn (nếu có).
 - 2.2. Các tài liệu liên quan đến trách nhiệm của người thứ ba (nếu có).
 - 2.3. Biên bản giám định thiệt hại được các bên thống nhất.
 3. Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).
 4. Trường hợp xe bị mất trộm, mất cướp toàn bộ thì chủ xe/người điều khiển xe cần cung cấp các tài liệu sau:
 - 4.1. Đơn trình báo mất trộm, mất cướp với cơ quan công an có xác nhận của cơ quan công an.
 - 4.2. Quyết định khởi tố và điều tra hình sự (nếu có) liên quan đến mất trộm, mất cướp ô tô được bảo hiểm.
 - 4.3. Quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ khởi tố vụ án hình sự liên quan đến mất trộm, mất cướp ô tô được bảo hiểm.
 - 4.4. Khai báo bị mất giấy tờ, tài liệu liên quan đến xe bị mất cắp, mất cướp khi để trên xe có xác nhận của cơ quan công an.

Điều 8. Bảo hiểm trùng

Hợp đồng bảo hiểm trùng là trường hợp bên mua bảo hiểm giao kết hợp đồng bảo hiểm với hai doanh nghiệp bảo hiểm trở lên để bảo hiểm cho cùng một đối tượng, với cùng điều kiện và sự kiện bảo hiểm. Tổng số tiền bồi thường của các doanh nghiệp bảo hiểm không vượt quá giá trị thiệt hại thực tế của xe ô tô. Việc giải quyết bồi thường thực hiện theo nguyên tắc sau:

1. Đối với những điều kiện bảo hiểm trùng của các hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm: doanh nghiệp bảo hiểm chỉ chịu trách nhiệm bồi thường theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm đã thỏa thuận trên tổng số tiền bảo hiểm của tất cả các hợp đồng mà chủ xe/người điều khiển xe đã giao kết.



2. Đối với những điều kiện bảo hiểm không trùng nhau của các Giấy chứng nhận bảo hiểm/hợp đồng bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm chịu trách nhiệm bồi thường theo từng hợp đồng bảo hiểm đã ký kết.

Điều 9. Thời hạn yêu cầu bồi thường, khiếu nại và thời hiệu khởi kiện

1. Thời hạn yêu cầu bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm là 01 năm kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm. Thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác không tính vào thời hạn yêu cầu bồi thường. Nếu quá thời hạn này, mọi khiếu nại không còn giá trị.

2. Thời hạn khiếu nại về quyết định bồi thường của Bảo Việt là 90 ngày kể từ ngày chủ xe nhận được thông báo bồi thường của Bảo Việt. Quá thời hạn nêu trên, Bảo Việt sẽ không giải quyết khiếu nại. Trường hợp người khiếu nại không thực hiện được quyền khiếu nại theo đúng thời hiệu vì ốm đau, thiên tai, dịch họa, đi công tác, học tập ở nơi xa hoặc những trở ngại khách quan khác thì thời gian có trở ngại đó không tính vào thời hiệu khiếu nại.

3. Thời hiệu khởi kiện về hợp đồng bảo hiểm là 03 năm kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp. Quá thời hạn trên quyền khởi kiện không còn giá trị.

4. Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng bảo hiểm, nếu doanh nghiệp bảo hiểm và chủ xe không giải quyết được bằng thương lượng sẽ được đưa ra các cơ quan trọng tài hoặc tòa án tại Việt Nam giải quyết.

PHẦN III. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 10. Phạm vi bảo hiểm

1. Bảo Việt chịu trách nhiệm bồi thường cho chủ xe những thiệt hại vật chất do thiên tai, tai nạn bất ngờ, không lường trước được trong những trường hợp sau:

1.1. Đâm va, lật, đổ, lệch trọng tâm, chìm, rơi toàn bộ xe; bị các vật thể khác rơi, va chạm vào; hành vi phá hoại của người khác;

1.2. Hỏa hoạn, cháy, nổ;

1.3. Những tai họa bất khả kháng do thiên nhiên gây ra;

1.4. Mất toàn bộ xe do trộm, cướp.

2. Ngoài số tiền bồi thường, Bảo Việt còn bồi thường cho chủ xe những chi phí cần thiết và hợp lý theo thỏa thuận tại Hợp đồng bảo hiểm để thực hiện các công việc theo yêu cầu và chỉ dẫn của Bảo Việt khi xảy ra tổn thất (thuộc phạm vi bảo hiểm), bao gồm các chi phí:

2.1. Chi phí ngăn ngừa hạn chế tổn thất phát sinh thêm;

2.2. Chi phí cứu hộ và vận chuyển xe bị thiệt hại tới nơi sửa chữa gần nhất tối đa không vượt quá 10% số tiền bảo hiểm của xe đó.

Điều 11. Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm

Bảo Việt không chịu trách nhiệm bồi thường bảo hiểm trong các trường hợp sau:

1. Hành động cố ý gây thiệt hại của chủ xe, người điều khiển xe và những người có quyền lợi liên quan đến sở hữu, khai thác và sử dụng xe.

2. Tại thời điểm xe tham gia giao thông xảy ra tổn thất, thiệt hại, xe không có Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ